

Bản án số: 482/2026/HSST

Ngày: 07- 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thanh Thảo

2/ Bà Trương Thị Lệ Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1), xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 570/2026/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 635/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị K; sinh ngày: 23/02/1994; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1 đường P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: P, C12/29 A8, ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Nguyễn Minh D, sinh năm 1963 và bà Châu Thị C, sinh năm 1965; chồng, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Phan Văn T; sinh ngày: 28/8/1995; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1 đường T, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Nguyễn Hữu T1 (chết) và bà Phan Thị N, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có;

Nhân thân: Ngày 20/4/2006 bị chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường H3, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã phường với thời hạn 03 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 19/3/2015 bị Công an P1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 20/4/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng.

Tiền án: Ngày 20/5/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 21/8/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm y án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2024; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Trịnh Huỳnh T2; sinh ngày: 17/4/1992; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A đường Đ, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Trịnh Văn T3 (chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1963; chồng: Dương Quốc A, sinh năm 1975 và con: 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2021; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Nguyễn Thành H, sinh năm 1985; địa chỉ: 9 đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt.

2/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: 1 đường T, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bị khuyết tật, không có nghề nghiệp và nghiện ma túy nên Nguyễn Thị Kim cư T4 tại phòng trọ số C, nhà số C Ấp C, xã B, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh nảy sinh ý định mua ma túy loại Methamphetamine (ma túy đá) để bán kiếm tiền từ giữa tháng 11/2024 đến nay. Thông qua bạn xã hội tên H2 (không rõ lai lịch) sử dụng số thuê bao 0933454782 có bán ma túy, K liên hệ H2 mua ma túy nhiều lần. Trong thời gian này, K nhiều lần bán ma túy và cùng sử dụng ma túy với Lý Quang T5, Lục T6 và Trịnh Huỳnh T2 (bạn gái đồng giới của K).

Khoảng đầu tháng 12/2024, T5 có mua của K 200.000 đồng ma túy đá và trả bằng tiền mặt rồi mang về phòng trọ của T5 (phòng số 17), nhà số B Đường số G, xã B, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng một mình đến hết. Ngoài ra, do T5 nhiều lần giúp K mua thức ăn nên Kim mời T5 sử dụng ma túy tại phòng của K.

Ngoài có quan hệ tình cảm với K, T2 còn có quan hệ tình cảm với Phan Văn T. Ngày 09/12/2024, T thuê phòng 203 khách sạn T10, địa chỉ A P, phường T, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Đến khoảng 04 giờ ngày 13/12/2024, T điều khiển xe máy hiệu Nouvo, biển số 59M2-059.42 đến bãi đất trống kế bên số B B, Phường A, Quận H (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh tìm mua của người đàn ông (không rõ lai lịch) được 200.000 đồng ma túy đá và được tặng 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh có một đầu tròn (nỏ) và

ổng hút nhựa, T trả tiền mặt. Sau đó, T mang về phòng 203 cho hết ma túy vào bộ dụng cụ rồi bật lửa đốt nấu hút khoảng 05 - 06 hơi thì nghỉ, T cất bộ dụng cụ còn lại một ít ma túy ở dưới nền nhà gần đầu giường.

Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, T2 biết T đang ở phòng 203 khách sạn T10, nên T2 đến chơi với T. Trong lúc T đi vệ sinh, T2 thấy bộ dụng cụ có sẵn ma túy, biết của T nên T2 lấy bộ dụng cụ bật lửa đốt nấu ma túy hút hết ma túy rồi để bộ dụng cụ trên bàn. T đi vệ sinh xong, thấy bộ dụng cụ không còn ở vị trí cũ và đã hết ma túy nên T nên biết T2 sử dụng hết. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T2 đi về.

Vào khoảng 03 giờ ngày 17/12/2024, T tiếp tục mua 300.000 đồng ma túy đá của người đàn ông tại Quận H rồi mang về phòng 203 cho hết ma túy vào bộ dụng cụ rồi bật lửa đốt nấu hút khoảng 05 - 06 hơi thì nghỉ, trong bộ dụng cụ còn lại một ít ma túy. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T2 đến phòng 203 thấy T đang nằm ngủ, bên trong bộ dụng cụ có sẵn ma túy, biết ma túy của T nên T2 tự đốt nấu ma túy hút 01 - 02 hơi thì hết ma túy. Sau đó, T2 và T nhậu với nhau đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T2 đi về. Đối với việc T2 lấy ma túy của T hút hết, T ngầm đồng ý do T2 là bạn gái của T.

Ngày 15/12/2024, K liên hệ H2 đặt mua 01 hộp 5 ma túy đá với giá 2.200.000 đồng (trong đó 200.000 đồng là tiền ship ma túy), rồi có người phụ nữ (không rõ lai lịch) đến phòng của Kim giao 01 túi zip có màu xanh đậm đựng ma túy đá cho K và K trả tiền mặt. Sau đó, K ước lượng phân ma túy thành nhiều gói nhỏ để bán cho khách và sử dụng một ít.

Khoảng 13 giờ ngày 18/12/2024, T2 đến phòng của K, Kim tặng T2 01 gói ma túy đá rồi T2 mang ma túy đến phòng 203. Lúc này, T vẫn còn đang ngủ, T2 cho hết ma túy vào bộ dụng cụ rồi dùng bật lửa đốt nấu ma túy hút khoảng 05 - 06 hơi rồi nằm ngủ, trong bộ dụng cụ vẫn còn ma túy. T ngủ dậy, thấy có sẵn ma túy trong bộ dụng cụ, biết của T2 mang đến nên T dùng bật lửa đốt nấu ma túy hút 01 - 02 hơi rồi T đi khỏi khách sạn, trong bộ dụng cụ vẫn còn một ít ma túy. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T2 thức dậy đi về.

Đến khoảng 07 giờ ngày 19/12/2024, T2 đến phòng 203 ngủ cùng T rồi T thức dậy lấy bộ dụng cụ đốt nấu ma túy hút khoảng 02 hơi thì hết ma túy (ma túy của T2 mang đến vào ngày 18/12/2024) rồi T đi khỏi khách sạn. Sau đó, T2 thức dậy đi đến phòng của K, K đưa ma túy cho T2 sử dụng khoảng 02 hơi ma túy, rồi T2 mua 100.000 đồng ma túy của K mang về sử dụng hết tại phòng C18, nhà số B N, xã B, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến 16 giờ 14 phút cùng ngày, T liên hệ qua Zalo tên "T2 vk yêu" nhờ T2 mua giúp nửa hộp 5 ma túy đá, T2 liên hệ Kim đặt mua ma túy và K báo giá 1.200.000 đồng, T2 báo lại cho T biết, T đồng ý. Sau đó, T sử dụng tài khoản số 929592959295 mở tại Ngân hàng T11 của T chuyển 1.200.000 đồng mua ma túy vào tài khoản số 17419992 mở tại Ngân hàng L1 của T2 rồi T2 chuyển vào tài khoản số 060923021994 mở tại Ngân hàng S của K để trả tiền ma túy cho T. Đồng thời, T2 hẹn T đến gần nhà của K để nhận ma túy, T đến điểm hẹn chờ, còn K

dùng 05 gói nylon có gắn nhựa màu xanh và 01 gói nylon không gắn nhựa màu đều chứa ma túy đá (m2) để bán cho T2. Do biết T2 mua ma túy để đi chơi với T nên K ghen tuông, không giao ma túy liền mà bảo T2 chờ, T chờ lâu nên về khách sạn trước, đợi T2 mang ma túy về sau. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T về tới khách sạn thì bị Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Thành phố H kiểm tra hành chính phát hiện T và T2 sử dụng ma túy nên mời T và T2 làm việc rồi bàn giao Công an phường T, quận T xử lý theo quy định.

Đến khoảng 10 giờ ngày 20/12/2024, tại phòng của K, K lấy ma túy cho vào nồi nấu ma túy hút một mình rồi đặt bộ dụng cụ lên bàn ở giữa phòng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T6 đến dọn dẹp vệ sinh phòng giúp K, T5 cũng đến phòng của K. Khi đó, K cầm bộ dụng cụ có sẵn ma túy bên trong, bật lửa đốt nấu ma túy hút 01 hơi rồi đặt bộ dụng cụ lên bàn, K bảo T6 và T5 “hút đi” (nghĩa là kêu sử dụng ma túy), T6 và T5 tự đốt nấu ma túy hút 01 hơi vào trong cơ thể rồi cả ba lần lượt tự đốt nấu ma túy hút mỗi người 01 hơi, trong bộ dụng cụ vẫn còn một ít ma túy. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Công an phường T, quận T (nay là Công an phường P, Công an Thành phố H) kết hợp Công an xã B, huyện B (nay là công an xã B, Công an Thành phố H) kiểm tra phòng của K, nghi vấn K, T6 và T5 đã sử dụng ma túy đá nên đưa tất cả về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Phan Văn T, Trịnh Huỳnh T2 và Nguyễn Thị K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Qua kiểm tra, Phan Văn T, Trịnh Huỳnh T2, Lục T6, Lý Quang T5 dương tính với chất ma túy MET (Methamphetamine – ma túy đá).

Kết luận giám định số 582/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận: Chất được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) không xác định được khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết. (BL 110)

Ngày 20/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị K tại Phòng số 36, nhà số C A, ấp C, xã B, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống nhựa có nắp màu đỏ, gắn ống hút nhựa và ống thủy tinh có một đầu tròn (m1);
- 01 hộp nhựa bên trong có 11 gói nylon ma túy đá gồm: 05 gói nylon có gắn nhựa màu xanh và 01 gói nylon không gắn nhựa màu (tổng 06 gói là m2); 02 gói nylon gắn nhựa màu đỏ, 01 gói nylon gắn nhựa màu vàng và 1 gói nylon dạng túi Zip có màu xanh lơ (tổng 04 gói là m3); 01 gói nylon dạng túi Zip có màu xanh đậm (lớn nhất, m4).

Kết luận giám định số 583/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận:

- Gói 1: Chất được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0785 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,0523 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 3: Tinh thể được ký hiệu mẫu m3 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,0308 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 4: Tinh thể được ký hiệu mẫu m4 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,5452 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 161/CT-VKS-KV9 ngày 07 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Thị K về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phan Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trịnh Huỳnh T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm p, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 18 năm đến 20 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 11 năm 13 năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trịnh Huỳnh T2 từ 03 năm đến năm 04 tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 06 năm đến 08 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng.

- Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Từ tháng 11/2024 đến ngày 20/12/2024, tại phòng trọ số C nhà số C Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Thị K đã 04 thực hiện hành vi tổ chức cho nhiều người khác sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó khoảng đầu tháng 12 tổ chức cho Lý Quang T5 sử dụng ma túy, ngày 19/12/2024 tổ chức cho Trịnh Huỳnh T2 sử dụng ma túy và ngày 20/12/2024 tổ chức cho Lục T6 và Lý Quang T5 sử dụng ma túy; đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, trong đó đầu tháng 12/2024 đã bán 200.000 đồng ma túy cho T5 và ngày 19/12/2024 đã bán ma túy 1.200.000 đồng cho T2 mua giúp cho Phan Văn T, còn cất giấu 2,7068 gam ma túy loại Methamphetamine để bán cho người khác, thì bị phát hiện. Tổng số tiền thu lợi là 1.400.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại phòng 203 khách sạn T10, địa chỉ A đường P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), Phan Văn T đã có hành vi cung cấp địa điểm, dụng cụ và ma túy để tổ chức cho Trịnh Huỳnh T2 sử dụng trái phép chất ma túy vào các ngày 13 và 17/12/2024 và chuyển số tiền 1.200.000 đồng cho T2 mua 1,0523 gam ma túy loại Methamphetamine của Nguyễn Thị K vào ngày 19/12/2024 thì bị phát hiện.

Bị cáo Trịnh Huỳnh T2 đã có hành vi cung cấp ma túy cho T sử dụng vào ngày 18/12/2024 và giúp Kim bán ma túy cho T vào ngày 19/12/2024 thì bị phát hiện.

Vì vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phan Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất

ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Bị cáo Trịnh Huỳnh T2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý, sử dụng độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng các bị cáo nhất thời phạm tội không có sự phân công, bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên đồng phạm mang tính giản đơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phan Văn T là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án, trong đó, vào ngày 21/8/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm y án sơ thẩm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2024, bị cáo T đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Nguyễn Thị K, Trịnh Huỳnh T2 chưa có tiền án tiền sự nên xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị K là người khuyết tật nặng có xác nhận của chính quyền địa phương nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo K theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về hình phạt bổ sung: Điều 249; Điều 251 và Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có quy định về hình phạt bổ sung. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị K, Phan Văn T, Trịnh Huỳnh T2.

[8] Về tổng hợp hình phạt: Các bị cáo Nguyễn Thị K, Phan Văn T, Trịnh Huỳnh Trang B xét xử cùng một lần nhiều tội nên Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[9] Về thu lợi bất chính: Bị cáo Nguyễn Thị Kim T7 lợi từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy được số tiền 1.400.000 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo Kim N2 lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Gói 1 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiếu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa mẫu vật (nỏ thủy tinh mẫu m1) đã được sử dụng phục vụ giám định (tinh thể đã được sử dụng hết), số lượng 1; gói 2 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiếu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa tinh thể (m2) có tổng khối lượng 0,8585g, số lượng 1, trọng lượng 0.859; gói 3 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiếu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa tinh thể (m3) có tổng khối lượng 0,6959g, số lượng 1, trọng lượng 0.696; gói 4 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiếu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) có tổng khối lượng 0,4138g, số lượng 1, trọng lượng 0.414; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống nhựa có nắp màu đỏ, gắn ống hút nhựa (nỏ thủy tinh là mẫu m1), số lượng 1 bộ; bộ D1 sử dụng ma túy, gồm: Chai nhựa có gắn ống hút và ống thủy tinh có một đầu tròn, số lượng 1 Bộ; Gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiếu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa mẫu vật (nỏ thủy tinh) đã được sử dụng phục vụ giám định, số lượng 1; bật lửa, màu đen, số lượng 1 cái, 01 cây kéo bằng kim loại, một số ống hút nhựa và túi nylon chưa qua sử dụng, số lượng 1 chiếc; bóp da, màu đen, số lượng 1 chiếc; hộp nhựa, số lượng 2 cái; hộp kim loại, số lượng 1 cái; ống hút nhựa vót nhọn một đầu, số lượng 1 cái. Đây là những vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s màu đen, số I: 355289669341984. Đây là điện thoại di động được T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số Imei 1: 861428051301639, số Imei 2: 861428051301621. Bị cáo T2 sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 điện thoại hiệu Redmi 10, màu đen, số I: 355289669341984. Bị cáo K sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 xe máy hiệu Yamaha Nouvo, biển số 59M2-059.42, số máy 5P11166725, số khung RLCN5P110AY166723, không bị đục lại số. Đây là xe máy được T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T khai mượn xe của mẹ ruột là bà Phan Thị N, bà N khai mượn của em rể tên Trần Nguyễn Thành H. Qua xác minh, xe máy trên do anh Trần Nguyễn Thành H, địa chỉ 9 L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Công an P2, Quận F cung cấp ông H ở tại địa chỉ 3 đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng xác minh thì tại địa chỉ trên ông H không sinh sống. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người đang quản lý sử dụng hợp

pháp chiếc xe gắn máy nói trên, giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nếu không tìm được thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Số tiền 300.000 đồng, đây là tiền Kim bán ma túy mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Những vấn đề khác:

- Đối với Đinh Quang H2 là người sử dụng thuê bao số 0933454782. Qua làm việc H2 thừa nhận có sử dụng số thuê bao trên nhưng không quen biết Nguyễn Thị K và không bán ma túy cho Nguyễn Thị Kim N1 chưa có cơ sở xử lý Đinh Quang H2, khi nào điều tra, làm rõ sẽ xử lý sau.

- Đối với Lục T6 và Lý Quang T5 đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là có cơ sở.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[13] Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T8, Trịnh Huỳnh T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thị K là người khuyết tật nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bị cáo Nguyễn Thị Kim T9 trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm p, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 10 (mười) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024.

[2] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 15; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024.

[3] Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trịnh Huỳnh T2 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 03 (ba) năm tù về tội “Mua bán

trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 31 tháng 12 năm 2024.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị K, Phan Văn T, Trịnh Huỳnh T2.

[5] Về thu lợi bất chính: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim N2 lại số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: Gói 1 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiệu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa mẫu vật (nổ thủy tinh mẫu m1) đã được sử dụng phục vụ giám định (tinh thể đã được sử dụng hết), số lượng 1; gói 2 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiệu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa tinh thể (m2) có tổng khối lượng 0,8585g, số lượng 1, trọng lượng 0.859; gói 3 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiệu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa tinh thể (m3) có tổng khối lượng 0,6959g, số lượng 1, trọng lượng 0.696; gói 4 được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiệu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) có tổng khối lượng 0,4138g, số lượng 1, trọng lượng 0.414; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống nhựa có nắp màu đỏ, gắn ống hút nhựa (nổ thủy tinh là mẫu m1), số lượng 1 bộ; bộ D1 sử dụng ma túy, gồm: Chai nhựa có gắn ống hút và ống thủy tinh có một đầu tròn, số lượng 1 Bộ; Gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng P (Điều tra viên), chữ ký và dấu tên Thiệu tá Lê Thị H1 (Giám định viên) bên trong chứa mẫu vật (nổ thủy tinh) đã được sử dụng phục vụ giám định, số lượng 1; bật lửa, màu đen, số lượng 1 cái, 01 cây kéo bằng kim loại, một số ống hút nhựa và túi nylon chưa qua sử dụng, số lượng 1 chiếc; bóp da, màu đen, số lượng 1 chiếc; hộp nhựa, số lượng 2 cái; hộp kim loại, số lượng 1 cái; ống hút nhựa vót nhọn một đầu, số lượng 1 cái.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s màu đen, số Imei: 355289669341984; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số Imei 1: 861428051301639, số Imei 2: 861428051301621 và 01 (một) điện thoại hiệu Redmi 10, màu đen, số I: 355289669341984.

- Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Nouvo, biển số 59M2-059.42, số máy 5P11166725, số khung RLCN5P110AY166723, nếu không tìm được thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

(Vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 298/LNK ngày 17/11/2025 của Đội CSTHA&HTTP – Công an quận T)

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Phan Văn T, Trịnh Huỳnh T2, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Kim .

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[9] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 9 - TP. Hồ Chí Minh;
- THA.DS TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Hoàng Lâm

